TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Tài Ngoánh

Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L - sinh năm 2001;

Địa chỉ: Số 44/4X, ấp Trung Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Châu Hoàng Đ - sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Lạc, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020, tại ấp Vĩnh Lạc, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 14/5/2020. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Châu Thị Bích N, sinh ngày 26/10/2020, Châu Thị Bích T, sinh ngày 26/10/2022, hiện cháu T đang sống với chị L và cháu

N đang sống với anh Đ. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Châu Thị Bích T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Châu Thị Bích N cho anh Châu Hoàng Đ tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Châu Hoàng Đ, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ theo quy định, nhưng anh Đ không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh Đ; anh Đ cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; anh Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:* - Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Đ. Về con chung, đề nghị giao con chung tên Châu Thị Bích T, sinh ngày 26/10/2022, cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Châu Thị Bích N, sinh ngày 26/10/2020, cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

Về tố tụng:

Chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đ cư trú tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị L có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Đ.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm năm 2020 tại ấp Vĩnh Lạc, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu,

có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 14/5/2020, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo chị L, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 đến nay, nay chị L xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho anh Đ, nhưng anh Đ không quan tâm, quá trình giải quyết vụ án anh Đ không lần nào đến Tòa án làm việc và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình, nhưng nay chị L cương quyết xin ly hôn với anh Đ, mà anh Đ không có thiện chí hòa giải cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, chị L yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Đ thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh Đ.

[2] Về con chung: Chị L và anh Đ quá trình chung sống có 02 con chung tên Châu Thị Bích N, sinh ngày 26/10/2020, Châu Thị Bích T, sinh ngày 26/10/2022 hiện cháu T đang sống với chị L và cháu N đang sống với anh Đ. Ngoài ra, chị L và anh Đ không còn con chung nào khác. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Châu Thị Bích T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; tự nguyện giao cháu Châu Thị Bích N cho anh Châu Hoàng Đ tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N và cháu T chưa đủ 07 tuổi, hiện nay cháu T đang sống cùng chị L, cháu N đang sống cùng anh Đ. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và tự nguyện giao cháu N cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý cho cháu T và cháu N trong việc ăn uống, sinh hoat và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu và ghi nhận sự tự nguyện của chị L giao cháu T cho chi Linh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Châu Thị Bích T, sinh ngày 26/10/2022 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L giao cháu Châu Thị Bích N, sinh ngày 26/10/2020 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 81 và Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L đối với anh Châu Hoàng Đ. Xử cho chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Châu Hoàng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Thị Bích T, sinh ngày 26/10/2022 cho chị Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Châu Hoàng Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở. Giao cháu Châu Thị Bích N, sinh ngày 26/10/2020 cho anh Châu Hoàng Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Nguyễn Thị Trúc L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005044 ngày 06/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Tâm